

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒ PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒ PHÁT
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DO PHAT BUILD COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt: DO PHAT BUILD CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400781023

3. Ngày thành lập: 21/12/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Nòn, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 01653272678

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
3.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
4.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
6.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
7.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
8.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
9.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
10.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
11.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
12.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
15.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
18.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
19.	Đúc sắt, thép	2431
20.	Đúc kim loại màu	2432
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

23.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
26.	Chăn nuôi lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
29.	Khai thác gỗ	0221
30.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
31.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
32.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
33.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34.	Khai thác và thu gom than non	0520
35.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
36.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
38.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
42.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Cơ sở lưu trú khác	5590
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

57.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
58.	Sản xuất xe có động cơ	2910
59.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
60.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Tái chế phế liệu	3830
71.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
72.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
73.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
74.	Xây dựng công trình công ích	4220
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
80.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
81.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
82.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
83.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
84.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
85.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
86.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
87.	Bán mô tô, xe máy	4541
88.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
89.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
90.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
91.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
92.	Bán buôn gạo	4631

93.	Bán buôn thực phẩm	4632
94.	Bán buôn đồ uống	4633
95.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
96.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
98.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
99.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
100.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
101.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
102.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
103.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
104.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
105.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
106.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
107.	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc	9200
108.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
109.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
110.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
111.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
112.	Bảo hiểm nhân thọ	6511
113.	Bảo hiểm xã hội	6530
114.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
115.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
116.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ VĂN NGUYỄN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122102777

Ngày cấp: 15/07/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Trại Mới, Xã Tuấn Đạo, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Trại Mới, Xã Tuấn Đạo, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 21/12/2015 đến ngày 02/02/2016

Họ và tên: ĐỖ VĂN NGUYỄN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: *12/03/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *122102777*

Ngày cấp: *15/07/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

thôn Trại Mới, Xã Tuấn Đạo, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

thôn Trại Mới, Xã Tuấn Đạo, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang